

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 25 tháng 4 năm 2024  
Về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Băng - Ông Hoàng Quốc Tuấn.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Thái Quang – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa:*** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 57/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nhữ Thị H sinh năm 1998; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh H1, sinh năm 1993; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ A, phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nhữ Thị H trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Minh H1 đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 12 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân phường M thành phố Y, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm thường xuyên xảy ra tranh cãi, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không khắc phục được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh H1.

Về nuôi con: Chị và anh Nguyễn Minh H1 có 01 con chung là Nguyễn Minh L sinh ngày 22 tháng 9 năm 2020. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết để anh H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Minh H1 trình bày:*

Về hôn nhân: Anh thống nhất với chị H về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng là mâu thuẫn nhỏ, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng đều không thành, anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nhữ Thị H.

Về nuôi con: Anh thống nhất với lời khai của chị Hạnh chị có 01 con chung như chị H trình bày. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết giao cho anh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Minh L sinh ngày 22 tháng 9 năm 2020 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Minh H1 có đăng ký thường trú tại tổ A, phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn chị Nhữ Thị H, bị đơn anh Nguyễn Minh H1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nhữ Thị H kết hôn với anh Nguyễn Minh H1 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh H1 đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản

1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của của chị Nhữ Thị H

[2.2] Về nuôi con: Chị H và anh H1 có một con chung là cháu Nguyễn Minh L sinh ngày 22 tháng 9 năm 2020. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất để anh H1 là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do anh H1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về chia tài sản: Chị H, anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

- Về án phí: Chị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.
- Về quyền kháng: Chị H và anh H1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;  
Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chị Nhữ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Minh H1.
2. Về con chung:

Giao cho anh Nguyễn Minh H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Minh L sinh ngày 22 tháng 9 năm 2020 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Chị Nhữ Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nhữ Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2023/0000241, ngày 20 tháng 02 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nhữ Thị H và anh Nguyễn Minh H1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TP.Yên Bái;
- Chi cục THADS TP.Yên Bái;
- Đương sự (02);
- UBND P.Minh Tân, TP.Yên Bái,  
(GCNKH số 39 ngày 20/12/2009);
- Lưu: Hồ sơ; TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Thị Kim Tuyền**